

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Học viện Quản lý Giáo dục

Tiếng Anh: National Academy of Education Management

Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: HVQ

Tiếng Anh: NAEM

2. Địa chỉ

Số 31 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.864.3352

Website: www.naem.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục

☒ Công lập

☐ Bán công

☐ Dân lập

☐ Tư thục

Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không có.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Học viện Quản lý giáo dục là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tư vấn về quản lý giáo dục, cung cấp nguồn cán

bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực có chất lượng cao trong và ngoài ngành giáo dục, góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

4.2. Tầm nhìn

Học viện Quản lý giáo dục phấn đấu trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành với ưu thế cốt lõi là quản lý giáo dục và các ngành có liên quan mật thiết với giáo dục; hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế về đào tạo và phát triển nguồn cán bộ quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng hiện đại của Việt Nam và thế giới.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Học viện Quản lý giáo dục được thành lập theo Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo được thành lập ngày 01/10/1976.

Với gần 50 năm xây dựng và phát triển, Học viện Quản lý giáo dục đã góp phần xây dựng và phát triển hệ thống lý luận về khoa học giáo dục, nhất là khoa học quản lý giáo dục Việt Nam; tham mưu tư vấn và triển khai ứng dụng khoa học quản lý, quản trị nhà trường cho hệ thống các trường, khoa thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ QLGD trong toàn quốc; nghiên cứu đánh giá tác động của các chủ trương, chính sách và các giải pháp đổi mới quản lý giáo dục đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Học viện đã trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức ngành giáo dục cả nước góp phần nâng cao năng lực quản lý, năng lực tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng làm cốt lõi, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội trên tất cả các phương diện và lĩnh vực hoạt động. Hiện nay, các hoạt động chuyên môn của Học viện được phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, công tác nghiên cứu khoa học đạt được những thành tựu đáng kể, các hoạt động liên kết với nước ngoài ngày càng mở rộng, hiệu quả nhằm mục đích ngày càng nâng cao hơn nữa vị thế đưa Học viện giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng và tư vấn chính sách, cải cách giáo dục, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng uy tín trên cả nước.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn, hoặc người đại diện để liên hệ

Họ và tên: PGS.TS. Phạm Văn Thuần; Chức vụ: Giám đốc Học viện.

Địa chỉ: Số 31 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Email: thuanpv@vnu.edu.vn; số điện thoại: 0243 6 648 718.

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định số 501/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/04/2006 về việc thành lập Học viện Quản lý giáo dục.

b. Quyết định số 2838/QĐ-BGDĐT ngày 7/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025.

Quyết định số 880/QĐ-BGDĐT ngày 21/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận thành viên Hội đồng trường Học viện QLGD nhiệm kỳ 2020-2025.

c. Quyết định số 1099/QĐ-BGDĐT ngày 10/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận PGS.TS. Phạm Văn Thuận, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội giữ chức vụ Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 28/QĐ-HĐHV ngày 21/12/2021 và Quyết định số 29/QĐ-HĐHV của Hội đồng Học viện về việc bổ nhiệm TS. Phan Hồng Dương và TS. Phùng Thị Lý Hằng giữ chức vụ Phó Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục nhiệm kỳ 2020-2025 theo nhiệm kỳ của Hội đồng Học viện.

d. Quyết định số 12/QĐ-HĐHV ngày 30/12/2020 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Quản lý giáo dục.

Quyết định số 16/QĐ-HĐHV ngày 02/7/2021 của Hội đồng Học viện về việc sửa đổi Khoản 2 Điều 31 Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Quản lý giáo dục .

đ. Nghị quyết số 15/NQ-HĐHV ngày 5/7/2022 của Hội đồng trường về việc thành lập Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục và Thanh tra thuộc Học viện Quản lý giáo dục.

- Nghị quyết số 16/NQ-HĐHV ngày 5/7/2022 của Hội đồng trường về việc thành lập Phòng Tổ chức – Hành chính thuộc Học viện Quản lý giáo dục.

- Nghị quyết số 15/NQ-HĐHV ngày 5/7/2022 của Hội đồng trường về việc thành lập Phòng Quản lý khoa học, Hợp tác quốc tế và Tạp chí thuộc Học viện Quản lý giáo dục.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ liên hệ, thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc cơ sở giáo dục

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Ban Giám đốc				

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Giám đốc Phó Giám đốc	Phạm Văn Thuận	PGS.TS, Giám đốc HV	0243.6648718	thuanpv@vnu.edu.vn
	Phan Hồng Dương	TS, Phó Giám đốc HV	0913001252	phanhongduong@gmail.com
	Phùng Thị Lý Hằng	TS, Phó Giám đốc HV	0903213170	hangpl170@gmail.com
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng ủy	Nguyễn Thị Thu Hằng	PGS.TS, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐHV	0935983268	hangntt@niem.edu.vn
Công đoàn	Phạm Thùy Thu	ThS, Chủ tịch Công đoàn Học viện	0912075615	thuphamthuynaem@gmail.com
Đoàn TN Học viện	Nguyễn Mạnh Cường	Thạc sỹ Bí thư Đoàn TN	0825.866.789	cuongnm.edu@gmail.com
3. Các phòng, ban chức năng				
Phòng TC-HC	Đỗ Tiến Sỹ	PGS.TS. Trưởng phòng	0912491759	dotiensy73@yahoo.com
	Đào Thị Ngọc Ánh	Tiến sỹ Phó Trưởng phòng	0985607688	daongocanhkt30d@gmail.com
Phòng KH-TC	Nguyễn Thị Hồng	Thạc sỹ Trưởng phòng	0912293748	guichohong@gmail.com
	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sỹ Phó Trưởng phòng	0968863646	hiennguyen@moet.edu.vn
	Đặng Thu Thủy	Tiến sỹ Kế toán trưởng	0983104643	dangthuyhvql@gmail.com
Phòng Quản trị - Thiết bị	Phạm Thùy Thu	Thạc sỹ Trưởng phòng	0912075615	thuphamthuynaem@gmail.com
	Trần Thị Diệu Nga	Thạc sỹ Phó Trưởng phòng	0964225583	dieunga.hvqlgd@gmail.com
Phòng QLĐT,GDCT& CTSV	Hoàng Thị Kim Huệ	Tiến sỹ Phó Trưởng phòng phụ trách	0912640056	huehtk@naem.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
	Đặng Thị Thanh Thảo	Tiến sỹ Phó Trưởng phòng	0982107575	thaodangthanh@gmail.com
Phòng QLKH,HTQT &Tập chí	Hà Thanh Hương	Tiến sỹ Trưởng phòng	0912440989	huonght.naem@gmail.com
	Nguyễn Thị Thi	Tiến sỹ Tổng biên tập	0983503005	thihoanhieu@yahoo.com
Phòng ĐBCLGD & Thanh tra	Lê Thị Thúy Nga	Tiến sỹ Trưởng phòng	0988076949	ngahvql@gmail.com
	Đặng Thị Kim Dung	Tiến sỹ Phó Trưởng phòng	0912183938	dtkdung.hvq@moet.edu.vn

4. Các trung tâm/viện trực thuộc

Trung tâm CNTT – Thư viện	Lê Thành Kiên	Thạc sỹ Giám đốc Trung tâm	0904287885	tccb_niem@yahoo.com
	Đinh Thị Ngọc Oanh	Thạc sỹ Phó Giám đốc Trung tâm	0912599977	oanh.niem@gmail.com
Trung tâm BDNG&CBQL	Vũ Duy Hiền	Tiến sỹ Phó Giám đốc phụ trách	0913039130	hienvuduy66@gmail.com
Trung tâm TTĐTLD&CBQL	Hoàng Thị Ái Vân	Tiến sỹ Giám đốc Trung tâm	0913583885	ms_aivan@yahoo.com.vn
Trung tâm Ngoại ngữ & Văn hoá quốc tế	Phùng Thị Lý Hằng	Tiến sỹ Phó Giám đốc HV (kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm)	0903213170	hangp170@gmail.com
Viện Nghiên cứu Khoa học QLGD	Trình Thanh Hà	Tiến sỹ Phó Viện trưởng phụ trách	0902531167	hatt@niem.edu.vn

5. Các khoa/viện đào tạo, tổ

Khoa Quản lý	Lê Thị Ngọc Thúy	Tiến sỹ Trưởng khoa	0936019768	austeduvic@gmail.com
	Phạm Ngọc Long	Tiến sỹ Phó trưởng khoa	0915.144.069	ngoclonghvql@gmail.com

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Khoa Tâm lý - GD	Hoàng Trung Học	Tiến sỹ Trưởng khoa	0914335199	hoangtrunghoctlgd@gmail.com
	Cao Xuân Liễu	Tiến sỹ Phó Trưởng khoa	0908372345	caoxuanlieu@gmail.com
Khoa CNTT & Truyền thông	Đỗ Viết Tuấn	Tiến sỹ Phó Trưởng khoa phụ trách	0914625305	dovietluan80@yahoo.com
Khoa Ngoại ngữ	Phan Hồng Dương	Tiến sỹ Phó Giám đốc Học viện kiêm nhiệm Trưởng khoa	0913001252	phanhongduong@gmail.com
	Đỗ Thanh Tú	Tiến sỹ Phó Trưởng khoa	0903286778	tukutelam@gmail.com
Khoa Cơ bản	Nguyễn Thị Hương	Tiến sỹ Trưởng khoa	0906072074	huongsun1411@yahoo.com
	Hoàng Thị Tâm	Tiến sỹ Phó Trưởng khoa	0982279004	hoangtamhd09@gmail.com

8. Các văn bản của Học viện

- Quyết định số 20/QĐ-HĐHV ngày 25/8/2021 về việc ban hành Chiến lược phát triển Học viện Quản lý giáo dục giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2035.
- Quyết định số 04/QĐ-HĐHV ngày 13/01/2021 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Quản lý giáo dục.
- Nghị quyết số 05/NQ-HĐHV ngày 01/03/2024 về việc thông qua Phương hướng tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sỹ năm 2024 của Học viện QLGD.
- Nghị quyết số 21/NQ-HĐHV ngày 23/10/2023 về việc thống nhất chủ trương phê duyệt phương án phân loại tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025 của Học viện QLGD.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	23,1% (2221/96)	16,6% (1648/87)
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	95/96	87/84
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sỹ	52,2 % (53/96)	57,5% 50/87)

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	96	0	43	53	05	02
	Lĩnh vực quản lý giáo dục	26	0	08	18	3	0
	Lĩnh vực giáo dục học	6	0	01	05	02	01
	Lĩnh vực CNTT	14	0	08	06	0	0
	Lĩnh vực Tâm lý học giáo dục	12	0	06	06	0	0
	Lĩnh vực kinh tế học giáo dục	11	0	06	05	0	01
	Lĩnh vực Cơ hữu (môn chung)	27	0	14	13	0	0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	95	0	43	52	05	01
	Lĩnh vực quản lý giáo dục	26	0	08	18	03	0
	Lĩnh vực giáo dục học	06	0	01	04	02	0
	Lĩnh vực CNTT	14	0	08	06	0	0
	Lĩnh vực Tâm lý học giáo dục	12	0	06	06	0	0
	Lĩnh vực kinh tế học giáo dục	11	0	06	05	0	01
	Lĩnh vực Cơ hữu (môn chung)	27	0	14	13	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2025	Năm 2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	03	04
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	67	64
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	96/70	87/68

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Diện tích đất/người học (m2)	19762,8/2305 = 8,6	17452,8/1650 = 10,58
2	Diện tích sàn/người học (m2)	8806,7/2305 = 3,82	5876/1650 = 3,56
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo:	14258/11 ngành	13500/11 ngành
5	Số bản sách/người học	5-7 bản/người học	5 bản/người học
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	30%	20%

7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps): Tổng số có 04 đường FTTH; tốc độ 100Mb.	150mbps	150mbps
---	---	---------	---------

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Tại khu vực số 31 và số 62, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội (Khu A, Khu D, Khu S)	19762,8 (m ²)	8806,7(m ²)
2	Cơ sở	Không		
3	Phân hiệu	Không		
Tổng cộng			19762,8 (m²)	8806,7(m²)

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (tr.đ)
1	Xây mới tòa nhà...		
2	Nâng cấp tòa nhà...	Nhà A1	465
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...		
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...		
Tổng cộng			465

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long.
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Mức độ đạt kiểm định: tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 3,88.
- Thời gian hiệu lực: Từ ngày 15 tháng 4 năm 2025 đến ngày 14 tháng 4 năm 2030.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định: Đang thực hiện.

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	9140114	Quản lý giáo dục	Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	2025
2	7310403	Tâm lý học giáo dục	Đại học Tâm lý học GD	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	2025

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	65%	63,87%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	122%	113,32%
3	Tỷ lệ thôi học	3,3%	3,9%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	0,5%	0,94%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	70,8%	62,1%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	60,8%	57,1%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên		
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể		
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	93%	91,3%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm học 2024-2025

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học				
1	Lĩnh vực 1				
	Chính quy	2221	744	82	100%
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
2	Lĩnh vực 2				
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Lĩnh vực 1	132	64	37	100%
2	Lĩnh vực 2				
III	Tiến sĩ				
1	Lĩnh vực 1	35	8	5	100%
2	Lĩnh vực 2				

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0	0
2	Số công bố khoa học/giảng viên	1,7 bài/GV	1,7 bài/GV
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	38,0% (93)	34,48% (87 GV)

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	01	400 triệu đồng
3	Đề tài cấp cơ sở	13	250 triệu đồng
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	
	Tổng số	14	

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	158 bài	114 bài
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	35 bài	30 bài
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	35 sách, giáo trình	33 sách, giáo trình
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2024)
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	22 %	18%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	6 %	1 %

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	80,649	69,159
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	20,914	21,522
II	Thu giáo dục và đào tạo	59,735	47,637
1	Học phí, lệ phí từ người học	31,015	15,017
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	28,720	32,620
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	57,083	53,209
I	Chi lương, thu nhập	24,166	23,297
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	15,564	15,224
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	8,602	8,073
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	10,650	9,195

1	Chi cho đào tạo	3,219	3,120
2	Chi cho nghiên cứu	798	1,520
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	6,633	4,519
III	Chi hỗ trợ người học	1,051	1,282
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	751	961
2	Chi hoạt động nghiên cứu	300	321
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	21,216	19,436
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	23,656	15,950

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC: Không./.


GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Phạm Văn Thuận